

**“THỦY LONG THẦN NỮ” - BÀ LÀ AI?****“Thuy Long nymphs” - Who is she?****Nguyễn Hữu Thông***Phân viện Nghiên cứu Văn hoá Nghệ thuật Việt Nam tại Huế**thongvht@gmail.com**Ngày nhận bài: 2/2/2015; Ngày duyệt đăng: 21/4/2015***1. Khái luận**

Cuộc thiên di về phương Nam trong hành trình mở cõi để tìm sinh lộ cho vận mệnh dân tộc, người Việt lúc ấy mới thực sự đối diện một cách đúng nghĩa với đại dương. Thực tế này không hàm nghĩa phủ nhận yếu tính biển trong trong tâm thức người nông dân trên vùng châu thổ Bắc bộ: chiếc nô sinh tồn buổi đầu của dân tộc Việt. Tuy vậy, văn hóa lúa nước, từ lâu đời, đã như chiếc mạng che, hạn chế tầm nhìn về đại dương của cha ông ta một cách đáng kể - kẻ luôn trung thành với phương châm: “quai đê - lấn biển” hay “cây cói đi trước, lúa nước theo sau”.

Đối diện với biển thực sự như một môi trường sinh kế dài lâu, người Việt lúc này mới cảm nhận toàn vẹn yếu tính của nước ngọt lẫn nước mặn. Nước tưới tẩm cho cây trồng của nông dân, nhưng, cũng cuốn phăng, xóa sạch mọi thành quả của con người trong dòng lũ. Nước, môi trường sinh trưởng và nuôi dưỡng cá tôm, thủy hải sản, nhưng, đồng thời cũng hàm chứa nhiều hiểm họa khôn lường đối với sự sống còn của ngư dân (Sống mà nghề ruộng em theo - Lầy chông đi biển, hồn treo cột buồm).

Hai mặt lợi hại ấy luôn hiện hữu và lưu tồn thường xuyên trong đời sống tinh thần của họ. Chiếc phao cứu sinh trước nỗi ám ảnh này, đã dẫn đến một hiện tượng phổ biến trong đời sống cá nhân lẫn cộng đồng của con người, như Bronislaw Malinowski trong công trình “Ma thuật, khoa học và tôn giáo” (Magic, Science and Religion) đã nói: Tình trạng căng thẳng của các nhu cầu bản năng, những trải nghiệm cảm xúc mạnh mẽ, bằng cách này hay cách khác dẫn đến thờ cúng và niềm tin [1, tr.21]. Đó là phương thức ứng phó mà “không ở đâu sự mặc cả của các nguyên nhân tự nhiên và siêu việt được phân chia bởi một đường kẻ mong manh và rắc rối, nhưng nếu quan sát kỹ lưỡng, nó lại rõ ràng

quyết đoán và có nhiều thông tin đến thế như trong hai ảnh hưởng có tính quyết định nhiều của số phận con người: sức khỏe và cái chết [1, tr.21-22]. Trong nghiên cứu này Malinowski đã nhận ra rằng con người càng đối diện với môi trường hiểm nguy, thì việc thực hiện các nghi lễ với thể lực siêu nhiên càng đậm nét, càng quy mô và phổ biến. Rõ ràng nghi lễ với thần linh liên quan đến môi trường nước, trong trường hợp này, chúng ta thấy ngư dân biển và ngư dân ở đầm phá, sông ngòi, có những biểu hiện khác nhau theo chiều hướng của quy luật trên.

Tuy nhiên, khái niệm thần linh hay lực lượng siêu nhiên sống trong niềm tin của ngư dân cũng được quan niệm một cách khá minh bạch. Emile Durkheim đã sử dụng thuật ngữ thực thể tâm linh như là một cách biểu thị khái quát bao gồm nhiều đối tượng (linh hồn người chết, thần linh, ma quỷ cũng như thượng đế): Khi ta hiểu chữ thần linh trong nghĩa cụ thể và hẹp, định nghĩa sẽ gạt ra ngoài vô số sự kiện mang tính tôn giáo rõ rệt. Linh hồn người chết, các loại hồn ma khác và đủ mọi thứ hạng mà óc tưởng tượng tôn giáo của biết bao dân tộc khác nhau đã gán cho thiên nhiên, luôn là đối tượng của các nghi thức và đôi khi của việc cúng tế thường xuyên [3, tr.34].

Thần linh, ma quỷ và sự hiển linh của những người chết trong thế giới sông biển đều là những đối tượng được tín mộ và tôn thờ đối với ngư dân, cho nên, mỗi danh xưng được nêu lên trong văn cúng, hay lời cầu xin ở các lễ tiết đều có những vị trí nhất định.

Trong tinh thần đó, việc định danh “Thủy Long thần nữ”: bà là ai, cũng như đang ở vị trí nào trong tổ hợp những “thực thể tâm linh”, là vấn đề mà chúng tôi muốn bàn đến trong bài viết này.

**2. Vũ trụ luận đông phương trong cách nhìn về thế giới thủy thần**

Trong quan niệm dịch học: vũ trụ và mỗi bộ phận của nó được tạo ra từ hai nguyên lý cùng tồn tại vĩnh hằng, vô hạn, tuy khác nhau, nhưng không thể tách khỏi nhau như một nguyên lý chuẩn mực, lý, và một nguyên lý vật chất, khí. Nguyên lý thứ nhất, các giác quan không cảm thấy được; nguyên lý thứ hai thì mang một hình thức có thể cảm thấy; sự kết hợp của chúng tạo thành thái nhất (một lớn) mà người ta còn gọi là thái cực (đỉnh lớn), một thực thể vô hạn, hoạt động được bằng sự tồn tại của lý ở bên trong nó, và nhờ lý mà tự nó có thể tạo ra mọi vật. Thái cực trong khi tạo ra mọi vật, luôn phải đi qua hai giai đoạn: hết tĩnh thành động, hết động thành tĩnh. Tĩnh là âm, động là dương; sự luân phiên vĩnh hằng này của âm và dương lại tạo ra ngũ hành mộc, hỏa, thổ, kim, thủy, nối tiếp nhau thành một chu kỳ vô tận. Từ ngũ hành mà thành trời đất, từ trời đất mà có tạo vật [5, tr.138-139].

Có lẽ những khái niệm mang tính triết học nêu trên, khi đến với thực tế tư duy dân gian, chúng đã được biến cải để phù hợp và thiết thân hơn. Dân gian cụ thể hóa chúng thành những thể lực siêu hình, tác động trực diện và hiệu quả đến sự bình yên và no ấm của cuộc sống đời thường. Và tất nhiên, thể lực nào càng thiết thân, lại càng được tiếp nhận một cách tích cực hơn.

Chúng ta có thể bắt gặp khắp nơi, từ Bắc chí Nam hiện tượng thờ phụng ngũ hành. Miếu thờ ngũ hành trong thiết chế mang tính tâm linh có mặt hầu hết trong các làng xã, thôn xóm, điện thờ Mẫu, thậm chí là cả trong chùa Phật... dưới hình tượng là những nữ thần với nhiều danh xưng khác nhau [2].

Mọi hiện tượng thiên nhiên gắn liền với cuộc sống thường nhật của con người, đều liên quan đến sự chuyển dịch của ngũ hành (sự tương tác dưới góc độ vật chất từ quan niệm âm dương), khiến cho mọi đối tượng xã hội đều quan tâm, quan ngại, và xem đó như một thứ quyền lực tối thượng của năm vị nữ thần (Ngũ hành nương nương, Cổ nương thần nữ, Ngũ hành thượng giới...) ảnh hưởng trực tiếp đến phúc họa cho từng cá nhân lẫn cộng đồng.

Trong thực tế, tuy phổ biến mô thức hợp nhất năm bà trong một hình tượng, nhưng, không thiếu những nơi người ta thể hiện mỗi quan tâm hàng đầu đến hiện tượng “thủy hỏa đạo tặc”. Đó chính

là nguyên nhân dẫn đến việc tách Bà Thủy và Bà Hỏa để thờ riêng. Sự sáng tạo tự thân hay tách ra hai yếu tố thủy hỏa từ ngũ hành, đã phản ánh mối đe dọa thường xuyên của một số hiện tượng cụ thể, để hai vị nữ thần này nhanh chóng trở thành đối tượng cầu cúng quan trọng và thiết thân trong đời sống làng xã.

Đối với cư dân sống trên nước hay gắn liền với môi trường sông biển, vị thần cai quản thế giới huyền bí của nước, hiện hữu một cách đa dạng trong nhiều dân tộc và không ít những cộng đồng khác nhau của từng khu vực. Thậm chí, trong lãnh thổ Việt Nam, thủy thần, yáng nước, liên quan đến sông ngòi hay biển khơi xuất hiện mỗi nơi một khác, nhưng, điểm gặp nhau trong nhận thức trên một phạm vi rộng lớn, đó là lực lượng siêu nhiên gắn kết cuộc sống con người trong nhiều mặt: sức khỏe, sự bình yên, và no ấm.

Những đặc trưng dễ nhận diện trong thế giới thủy thần bao hàm những yếu tính:

- Đa dạng về tính chất: Đó là một thực thể tâm linh bao gồm cả thần thánh trong thế giới siêu nhiên, lẫn đối tượng hiển thần từ những cái chết vào giờ linh, hay hiển mình vì đại nghĩa, của chính con người đời thường.

- Sự có mặt của cả nam thần lẫn nữ thần.

- Hiện hữu cùng lúc cả phúc thần lẫn ác thần

- Sự đa dạng về tên gọi và gốc gác lẫn truyền thuyết liên quan. Nhiều trường hợp đa danh hiệu, trên cùng một đối tượng, xuất hiện theo từng địa phương khác nhau.

### 3. Thủy Long Thần Nữ - bà là ai?

Ở đây, chúng ta khoanh lại trên phạm vi nữ thần và vị trí của Thủy Long Thần Nữ trong đời sống tinh thần của những đối tượng gắn liền với sông biển.

THỦY: Không phải bàn nhiều, đó là thế lực thờ phượng của con người liên quan đến môi trường nước. Chúng ta bắt gặp thường xuyên danh xưng Bà Thủy hay Bà Thoái, Yang Dak, phổ biến từ Bắc đến Nam.

LONG: Liên quan đến hình tượng rồng, đó là một thực thể gắn với nước. Người xưa phân chia giống rồng là ba loại chính. Con lung (long) là giống có quyền lực nhất và thường cư ngụ trên trời. Con ly có sừng và sống dưới biển. Con

giao mình phủ đầy vảy, thường sống ở các đầm lầy hay hang sâu trên núi [7, tr.102]. Tuy con lung (long) ở trên trời, nhưng hơi thở của long từ miệng phun ra như mây. Thỉnh thoảng biến thành nước và một lúc khác trở thành lửa [7, tr.103]. Rõ ràng long biểu tượng cho cả thủy lẫn hỏa, 2 mối quan tâm hàng đầu của cộng đồng. Điều đáng nói dù nằm trong vùng phân bố của truyền thuyết về rồng, nhưng Long vương ở người Trung quốc là một nam thần [5, tr.182-183]. Và Long thần ở đây không chút liên quan đến vị thần ở trên.

Do tính chất vốn là linh vật thủy sinh, hoặc có năng lực tạo ra mưa, lũ, cuộc sống của rồng gắn gũi với nước, và hiện hữu trong nước như một thuộc tính, nên, phần lớn những thần hiệu liên quan đến chữ long trong truyền thuyết dân gian, đều nằm trong vùng quyền năng từ nước và của nước.

Rồng từ trên trời như “long vân khế hội”, “long ẩn vân” “thiên long”, “giáng long” “thăng long”... đều là cách thể hiện sự thống thuộc lớn hơn của một đại linh vật trong vũ trụ: Có khả năng lên trời, mới có thể làm mưa, tạo nước; có lên trời mới cai quản được thiên giới và địa giới.

Trong dân gian, truyện tích “lý ngư vượt vũ môn”, khuyến khích sĩ tử dùi mài kinh sử trên đường hoạn lộ, cũng đã cho thấy tiền thân sông biển của rồng - sinh vật từ nước.

THẦN: Thần và hiện tượng hiển thần, cũng đều được gọi là thần, thể nhưng, thiên thần và nhân thần, thượng đẳng thần và trung đẳng thần, phúc thần và ác thần hay tà thần..., đều có vị trí cụ thể trong nghi lễ lẫn sự ngưỡng vọng của con người.

Thủy Long ở đây không nhằm để ám chỉ hoặc gắn liền với một truyền thuyết hay giai thoại nào liên quan đến thế giới con người, nên đối tượng này là thần chứ không phải là kết quả của quá trình hiển thần.

NỮ: Một xác quyết giới tính.

Trong thủy giới, chúng ta nhận ra sự quản trị khá phong phú của nhiều vị thần trong quan niệm của dân gian. Sự hình thành mỗi vị thần trong thế giới thủy cung có khá nhiều tính chất đồng và dị, bị chi phối bởi vùng địa lý, đặc trưng tộc người, tín ngưỡng địa phương, giao lưu và ảnh hưởng văn hóa... Trong tín ngưỡng thờ Mẫu,

đứng đầu Thủy phủ có “Thủy phủ chúa Động Đình Bắc Hải Đế quân” (nam thần) và Thủy phủ Long cung Thánh Mẫu (nữ thần). Và chư thần ở Thủy phủ hội tụ như một triều đình: Đệ nhất cung Xích Long tiên nữ, Đệ nhị cung Thủy tinh Thánh nữ, Đệ tam cung Xích Lân tiên nữ- Bạch ngọc Hồ trung Thủy tinh công chúa (Cô Ba thủy phủ), Đệ tứ triều Khâm sai Thánh nữ, Thủy giới Long cung chư vị Thánh bà, Thập nhị Thủy tề Tôn ông (12 ông Hoàng), Thủy phủ Ngũ vị Xích lân Hoàng tử, Tam vị Phụ quốc Trạng nguyên tôn ông, Ngũ phương duyệt lộ Hà Bá thủy quan, Tào liêu phán thuộc sỹ tốt lại binh [7, tr .117].

Nếu nhìn trên góc độ đối sánh, chúng ta thấy Thủy Long Thần Nữ không nằm trong khung những vị thần của tín ngưỡng thờ Mẫu, mà là sản phẩm thuần đặc của cư dân gắn với sông nước. Và bản thân những vị thủy thần cũng là sản phẩm bị chi phối bởi văn hóa của từng địa phương trên cái nền cần ứng xử của con người với mỗi thủy vực cụ thể.

Chính vì thế, trước khi định vị Thủy Long Thần Nữ trong quan niệm và đời sống tâm linh của cư dân sông biển, chúng ta cần đặt vị thần này trong tập hợp hay một khái niệm lớn hơn, đó là Thủy thần.

Nếu nhìn ở góc độ phổ biến của hiện tượng, thì hệ thống thủy thần được tín mộ và thờ phụng của cư dân miền Trung và miền Nam nhiều hơn hẳn miền Bắc. Tín ngưỡng tứ pháp với quyền năng của 4 vị: Pháp Vân, Pháp Lôi, Pháp Điện, Pháp Vũ, gắn gũi với đời sống tín ngưỡng của cư dân miền Bắc. Điều này đã phản ánh sự khoan tròn ước vọng của người nông nơi đây, xoay xung quanh việc cầu mưa (mây, sấm, chớp, mưa), nổi trội tâm thức nội đồng, và ít nhiều xa cách với những mối đe dọa từ biển.

Việc thờ Ngũ Hành Nương Nương phổ biến ở cư dân miền Trung và miền Nam, thực chất họ không chú trọng hay biết tới quyền năng đích thực của các nữ thần này trong ý nghĩa tối thượng: cội nguồn của sự vận động không ngừng và tác động lẫn nhau của vật chất trong thiên nhiên, đưa đến sự biến hóa của mọi vật [4, tr.20]. Điều đã làm nên cuộc sống của chính họ, làm nên họa phúc cho chính họ. Ở đây, thực chất hiện tượng thờ Ngũ hành trong các miếu chỉ là một dạng phiếm chỉ nhằm tôn vinh hai bà Thủy và

Hỏa. Nhất là Bà Thủy, vì hệ thống miếu độc lập dành riêng cho Bà Thủy chiếm một vị trí khuynh loát so với Bà Hỏa.

Khi Bà Thủy khi được tách khỏi Ngũ Hành Nương Nương để thờ phụng trong dân gian, thường hiện thân một cách độc lập (có quá trình), và, trong một số trường hợp, vị nữ thần này chẳng còn liên quan đến ý nghĩa là một thành tố của ngũ hành nữa.

Từ Bà Thủy, nhiều làng xã đôi mặt với sông biển đã dần dần tiếp thêm một linh hiệu gắn liền với Bà qua tên gọi Thủy Long. Từ “Long” xuất hiện đã làm thiêng hóa hoặc cao quý hóa một bậc, khi sử dụng bên cạnh tên gọi Bà Thủy hay Bà Thoái mang chất bình dị. Bà Thủy Long còn có nhiều tên gọi khác như Thủy Long Hà Bá, Long Vương Thần Nữ... Bà Thủy Tề... Trong quan niệm dân gian, Bà là nữ thần giếng, Thần sông rạch, Thần cù lao, Thần hải đảo, tức vị thần cai quản vùng sông nước. Cũng có quan niệm Bà là hóa thân của Thiên Y Ya Na. Vị thần này thể hiện tính lưỡng diện, một mặt, Bà là nơi ngư dân gửi gắm sự bảo trợ của mình trong mỗi chuyến đi biển đầy thách thức và may rủi, mặt khác, nếu làm điều gì “xúc phạm” tới Bà, như thả các vật dụng xuống “thủy cung”, cứu người đã bị Bà “dìm” chết để trừng phạt, không làm lễ “vớt vong” hay “chuộc vong”... thì Bà lại trở thành vị ác thần đáng sợ [6, tr.309].

Trong nghiên cứu của mình về Tục thờ Mẫu ở Quảng Nam, Đà Nẵng, Nguyễn xuân Hương đã liên tưởng giữa Bà Thủy Long Hà Bá với Bà Ma Nha, hay Ma Da [9]. Đó là danh xưng mà người Bắc miền Trung thường gọi là Ma Rà. Đồng dao xứ Huế có đoạn hát về Ma Rà rằng:

*Thả đĩa ba ba  
Chớ bắt đàn bà  
Tha tội đàn ông  
Cơm trắng như bông  
Gạo thuyền như nước  
Sang sông về đò  
Chớ mắt chớ muối  
Chớ chuỗi hạt tiêu  
Chớ niêu cứt gà  
Ai mà chịu bắt  
Làm con Ma Rà.*

Trên thực tế Bà Thủy, là tên gọi phiếm xưng để chỉ một thế lực đầy quyền năng phò trợ, hoặc

rắn đe, phần lớn liên quan trực tiếp để cuộc sống và nghề nghiệp của lớp cư dân sống gắn liền với sông biển. Bà Thủy có thể được tái lập hình tượng trong những cộng đồng cư trú khác nhau, hoặc, được quan niệm một cách không giống nhau trong sự định vị về vai trò và chức năng. Chính vì vậy, sự nhập nhằng giữa Mẫu Thủy (Mẫu Thoái) với Bà Thủy; sự đồng-dị giữa Ma Da (Ma Rà) với bà Thủy; điều giống nhau và khác nhau giữa Bà Thủy và những nhân vật hiển thần trên sông biển; những hóa thân của Thiên Y A na... Tất cả đều xuất phát từ những điều kiện cụ thể của cộng đồng từng nơi, mức độ ảnh hưởng của giao lưu văn hóa, cũng như sự tác động trong hiệu ứng truyền miệng dân gian.

Điều có thể khẳng định được là mối quan hệ trực tiếp và gắn kết giữa Bà Thủy với Thủy Long Thần Nữ trên cơ tầng văn hóa bản địa liên quan với môi trường sông biển, nhưng, trên dạng biểu tượng, Thủy Long Thần Nữ hiện thân dưới nhiều hình tượng khác nhau trong mỗi cộng đồng và từng địa phương, từng vùng.

#### 4. Kết luận

Thủy Long Thần Nữ là mỹ tự, tên chữ, xuất hiện phổ biến trong văn cúng, sắc phong trong lễ nghi của cộng đồng làng xã. Ban đầu vị nữ thần này là một thành viên trong tập hợp của Ngũ Hành Nương Nương, nhưng do vị trí đặc biệt thiết thân với sự sống còn của cư dân gắn liền với sông biển và sinh kế của họ trong môi trường nước. Bà Thủy đã dần dần tách khỏi chư thần của Ngũ Hành và tồn tại một cách độc lập trong các miếu thờ. Yếu tính là thành viên của một nhóm gồm nhiều nữ thần đứng cạnh, từ sự ly khai chủ quan này, đã dần dần mất đi hình ảnh vốn có, thậm chí phai mờ hoặc xóa hẳn góc gác để trở thành một hình tượng mới trong quy luật bản địa hóa.

Nhà nước phong kiến không sắc phong bà Thủy, nhưng lại hướng đến hình tượng mang yếu tố Thủy trong Ngũ Hành nương Nương. Và Thủy Long Thần Nữ hay Thủy thần trong ý nghĩa này, được thừa nhận là Trung Đẳng Thần và có nơi lại được sắc phong là Thượng Đẳng Thần, Ma Da, Ma Rà hay những nhân thần hiển linh gắn với sông biển được hiểu như một hình ảnh khác của Bà Thủy, trong trường hợp này, đều không được thừa nhận trên mặt chính thống.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bronislaw Malinowki (1954): *Magic, Science and Religion in Magic, Science and Religion and other Essays*. Garden city, N.Y. Doubleday Anchor,
- [2] Dương Hoàng Lộc, *Tín ngưỡng thờ Bà Thủy của cộng đồng ngư dân An Thủy Huyện Ba Tri-Tỉnh Bến Tre*, <http://.khoavanhoc-ngonngu.vn/home/index.php?view>
- [3] Emile Durkheim (1985): *Définition du phénomène religieux et de la religion, Les formes e'lementaire de la vie religieuse*. Paris. Presse Universitaire de France.
- [4] Hải Ân (1996), *Kinh dịch với đời sống*, NXB Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
- [5] Henri Maspero (2000), *Đạo giáo và các tôn giáo Trung Quốc*, Lê Diên dịch, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [6] Ngô Đức Thịnh (2010), *Đạo Mẫu Việt Nam*, NXB Tôn giáo, Hà Nội.
- [7] Nguyễn Hữu Thông, (2001), *Mỹ thuật Huế - nhìn từ góc độ ý nghĩa và biểu tượng tượng trang trí*, NXB Thuận Hóa, tr102.
- [8] Nguyễn Hữu Thông (chủ biên) (2001), *Tín ngưỡng thờ Mẫu ở miền Trung Việt Nam*, NXB Thuận Hóa.
- [9] Nguyễn Xuân Hương (2005), “Tục thờ Mẫu ở Quảng Nam, Đà Nẵng”, *Tạp chí Văn hóa Dân gian* số 1/2005.